

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

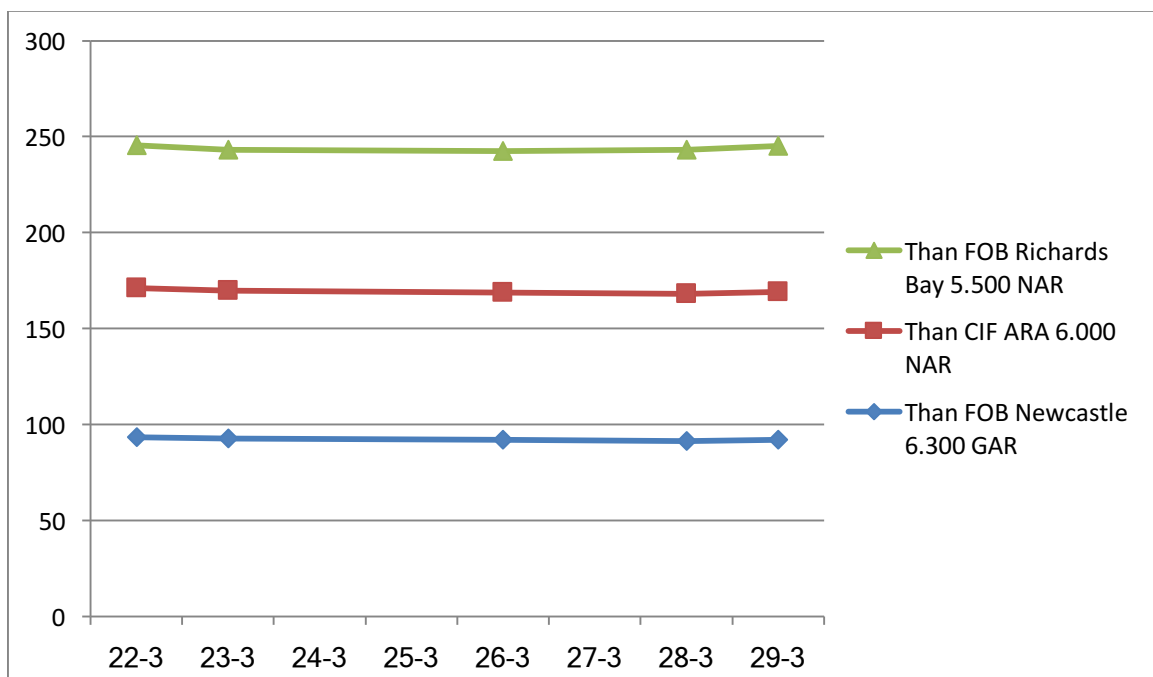
Ngày 03/04/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	92,05	+0,55	92,15	+1,10
CIF ARA 6.000 NAR	77,00	+0,30	77,00	+0,25
FOB Richards Bay 5.500 NAR	76,10	+1,25	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	79,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	63,00	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	51,20	-0,15	375,50	-0,95
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	71,80	-0,05	526,58	-0,14
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	80,50	+0,00	590,39	+0,25

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/03/2018)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than hàng năm của Coal India không đạt mục tiêu trong năm tài chính 2017-18

Coal India Limited (CIL) thuộc quyền sở hữu của nhà nước Ấn Độ là công ty khai thác than lớn nhất của quốc gia này đã không thể đạt được mục tiêu sản lượng than (thiếu hụt so với sản lượng mục tiêu đề ra 32,63 triệu tấn) sau khi chỉ khai thác được 567,37 triệu tấn trong năm tài chính kết thúc vào tháng 3/2018 vừa qua. Sản lượng của năm tài chính 2017-18 đã tăng 2,4% so với năm tài chính trước đó. Hai công ty con của CIL là South Eastern Coalfields Limited và Mahanadi Coalfields là hai công ty có sản lượng khai thác lớn nhất lần lượt là 144,71 triệu tấn và 143,06 triệu tấn trong tổng số 8 công ty con của CIL. Sản lượng than từ các đơn hàng than của công ty trong năm tài chính nêu trên đứng ở mức 580,28 triệu tấn so với mục tiêu đặt ra ban đầu là 600 triệu tấn, tuy nhiên lại tăng 7% so với năm trước đó. CIL đã cung cấp 454,3 triệu tấn than cho ngành điện trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31/3/2018, tăng khoảng 7% so với năm trước đó. Nhằm tăng sản lượng khai thác của công ty, 11 khu khai thác than mới đã được phân bổ đến các công ty con của CIL là Eastern Coalfields Limited, Bharat Coking Coal Limited và Western Coalfields Limited. Điều này sẽ giúp việc mở rộng khu vực khai thác của CIL và tăng sản lượng lên 100 triệu tấn/năm tại mỗi công ty con. CIL cũng đã đạt được 21 điều khoản liên quan đến vấn đề môi trường, giúp tăng sản lượng hàng năm thêm 43 triệu tấn than trong năm tài chính hiện tại, sẽ bắt đầu từ ngày 1/4/2018. Tính đến ngày 1/4, lượng than tồn kho của công ty đứng ở mức 55,49 triệu tấn so với 68,42 triệu tấn năm ngoái. Hiện tại, công ty đã khai thác khoảng 72,28 triệu tấn than trong tháng 3 vừa qua, vượt sản lượng mục tiêu ban đầu chỉ là 68,68 triệu tấn. Theo thống kê các hợp đồng bao tiêu trong tháng 3 của công ty đạt 55,19 triệu tấn so với kế hoạch đặt ra là 58,41 triệu tấn. Hiện sản lượng than của CIL được yêu cầu đáp ứng 84% nhu cầu than của Ấn Độ với 630 triệu tấn than trong năm tài chính hiện tại và dự kiến sản lượng sẽ đạt 1 tỷ tấn than vào năm 2020.

Giá than nhiệt của Thổ Nhĩ Kỳ tiếp tục giảm, nhu cầu mua thấp

Giá than nhiệt của Thổ Nhĩ Kỳ vẫn đang phải chịu áp lực giảm giá do nhu cầu mua than giao lẻ theo chuyên và giá than tại thị trường Châu Âu tiếp tục đã giảm giá trong tuần trước. Theo thống kê của S&P Global Platts mức giá than tại thị trường này đã giảm đến mức thấp nhất kể từ tháng 8/2017. Một nguồn tin từ Châu Âu cho biết các công ty tại Thổ Nhĩ Kỳ không vội vàng mua sắm mà chờ đợi theo dõi giá than cốc nhiệt trị trung bình diễn biến như thế nào trong tuần tới. Nguồn tin còn cung cấp thêm giá than điều kiện CIF, vận chuyển bằng tàu Panamax hiện đang trong khoảng 88 - 90 USD/tấn. Một công ty kinh doanh than của Colombia cho biết hiện tại rất khó để đánh giá thị trường than của Thổ Nhĩ Kỳ tại thời điểm hiện tại. Một đơn hàng vận chuyển bằng tàu Capesize được ấn định hôm thứ 4 tuần trước đến Iskenderun của Thổ Nhĩ Kỳ từ Puerto Bolivar, Colombia vào thời điểm giữa tháng 4 có giá cước vận chuyển là 6,90 USD. Các nguồn tin trên thị trường cho biết hiện tại không có bất cứ đơn hàng giao lẻ nào xuất hiện trên thị trường, họ cho rằng các công ty mua hàng của Thổ Nhĩ Kỳ đang chờ đợi thông tin về lượng lưu huỳnh tối đa được quy định cho than nhập khẩu sẽ được chính phủ công bố vào thời điểm sắp tới. Việc lượng lưu huỳnh tối đa được điều chỉnh sẽ cho phép các NMNĐ nhập khẩu than nhiệt có hàm lượng lưu huỳnh lên đến 3% so với hiện tại là 1-2%. Một nguồn tin từ Châu Âu khác cho biết một số công ty mua than có khả năng sẽ trở lại thị trường, tuy nhiên giá có thể giảm trở lại trong tháng Tư. S&P Global Platts đưa ra chỉ số than của Thổ Nhĩ Kỳ nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR kỳ hạn 90 ngày, điều kiện CIF ở mức 89 USD/tấn, giảm 50 cent so với tuần trước và giảm 5 USD so với 1 tháng trước đó.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	7,05	+0,00
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	8,15	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	8,70	+0,00

Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,80	-0,55
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,50	-0,25
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,00	-0,55
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,05	-0,25
	Úc	Trung Quốc	12,25	-1,00
	Úc	Ấn Độ	14,00	-0,65

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 29/03/2018)